

Số : / TTr-STC-BVG

Tp.Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về Dự thảo Quyết định quy định về mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Kính gửi : Ủy ban nhân dân Thành phố.

I. Sự cần thiết ban hành:

Căn cứ Điểm a Khoản 2 Điều 5 Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT ngày 07 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về phương pháp tính, phương thức thu, chế độ quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển quy định: “*Căn cứ khung giá áp dụng tính thu tiền sử dụng khu vực biển tại Khoản 1 Điều này và điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể của địa phương, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan xây dựng và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành hàng năm mức thu tiền sử dụng khu vực biển trên địa bàn thuộc thẩm quyền giao của địa phương sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp để thực hiện xác định số tiền sử dụng khu vực biển cho tổ chức, cá nhân phải nộp theo quy định tại Thông tư này khi được giao khu vực biển.*”

Căn cứ chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 1706/UBND-ĐTMT ngày 14 tháng 4 năm 2016 việc triển khai thực hiện Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT của Liên Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định phương pháp, phương thức thu, chế độ quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển. Theo đó, Ủy ban nhân dân thành phố giao Sở Tài chính như sau: “*Giao Sở Tài chính phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng và đề xuất trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển thuộc địa bàn Thành phố quản lý theo quy định.*”

Do đó, việc xây dựng Dự thảo Quyết định quy định về mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh là cần thiết và phù hợp với quy định tại Thông tư liên tịch của Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường.

II. Quan điểm, mục đích xây dựng Dự thảo Quyết định.

1. Quan điểm:

Quá trình nghiên cứu, xây dựng Dự thảo Quyết định bảo đảm các quan điểm và nguyên tắc sau đây:

- Thể chế đầy đủ quy định tại Nghị định của Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương;

- Chỉ quy định cụ thể những nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố; không lặp lại những nội dung Nghị định đã quy định rõ và không giao thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân Thành phố;

- Bảo đảm tuân thủ, phù hợp với các quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tiễn của Thành phố.

2. Mục đích:

- Tạo điều kiện để người thực hiện hoạt động khai thác, sử dụng khu vực biển thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước công khai minh bạch.

- Đảm bảo quản lý chặt chẽ, hiệu quả và phát triển ngành khai thác thủy hải sản, các ngành khai thác khu vực biển nhằm hạn chế tham nhũng, lãng phí trong quản lý, sử dụng tài nguyên biển.

- Đảm bảo tính khả thi và giải quyết được những khó khăn, tồn tại trong thực tiễn, cũng như đơn giản thủ tục hành chính;

- Bảo đảm hài hòa các lợi ích của Nhà nước, người sử dụng khu vực biển và xã hội.

III. Quá trình xây dựng Dự thảo Quyết định:

1. Căn cứ chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố tại Công văn số 1706/UBND-ĐTMT ngày 14 tháng 4 năm 2016 việc triển khai thực hiện Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT của Liên Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định phương pháp, phương thức thu, chế độ quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển (sau đây gọi tắt là Thông tư Liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT), Sở Tài chính đã chủ động nghiên cứu, xây dựng Dự thảo.

2. Ngày tháng năm 2016, Sở Tài chính có Công văn số /STC-BVG gửi các Sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ góp ý (kèm Dự thảo Quyết định; Dự thảo Tờ trình trên website của Sở để các đơn vị góp ý). Đến nay, Sở Tài chính đã nhận được ý kiến góp ý như sau:

a) Có đơn vị góp ý bằng văn bản. Trong đó, có đơn vị thống nhất hoàn toàn với Dự thảo;

b) Có đơn vị có ý kiến góp ý.

Sở Tài chính đã tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các đơn vị (Đính kèm Báo cáo tổng hợp).

3. Ngày tháng năm 2016, Sở Tài chính đã tổ chức hội nghị lấy ý kiến góp ý của các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ.

4. Toàn bộ dung Dự thảo Tờ trình, Dự thảo Quyết định được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính (theo địa chỉ: WWW.tevg.hochiminhcity.gov.vn). Tính đến giờ ngày tháng năm 2016 đã có lượt truy cập vào nội dung trên.

5. Ngày tháng năm 2016, Sở Tài chính đã có Công văn số /STC-BVG gửi Sở Tư pháp thẩm định Dự thảo Quyết định.

6. Ngày tháng năm 2016, Sở Tư pháp có Công văn số /STP-VB về thẩm định Dự thảo Quyết định. Theo đó, Sở Tư pháp có ý kiến:

Tiếp thu các ý kiến góp ý của các Sở, ngành; huyện Cần Giờ, các tổ chức, cá nhân liên quan; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Tài chính đã nghiên cứu, tiếp thu và hoàn chỉnh Dự thảo Quyết định như sau:

V. Kết cấu và bố cục của Dự thảo Quyết định:

- Dự thảo Quyết định được kết cấu thành 08 điều, cụ thể như sau
- Điều 1 - Quy định về phạm vi áp dụng.
 - Điều 2 - Quy định về đối tượng áp dụng.
 - Điều 3 - Quy định về đơn giá tiền sử dụng khu vực biển.
 - Điều 4 - Quy định về phương thức thu tiền sử dụng khu vực biển
 - Điều 5 - Quy định về trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác tính, thu, nộp tiền sử dụng khu vực biển.
 - Điều 6 - Quy định về xử lý chuyển tiếp.
 - Điều 7 - Quy định về hiệu lực thi hành.
 - Điều 8 - Quy định về tổ chức thực hiện.

V. Nội dung cơ bản của Dự thảo Quyết định:

1. Điều 1. Phạm vi áp dụng:

Nội dung Điều này được quy định trên cơ sở quy định tại Điều 1 Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển (sau đây gọi tắt là Nghị định số 51/2014/NĐ-CP) và Điều 1 Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT, cụ thể:

“Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Quyết định này quy định về mức thu tiền sử dụng khu vực biển theo Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy phép hoặc Quyết định cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2. Quyết định này không áp dụng đối với các trường hợp quy tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển, gồm:

- a) Giao khu vực biển để thăm dò, khai thác dầu khí;*
- b) Giao khu vực biển để khai thác thủy sản, cho thuê mặt nước để nuôi trồng thủy sản;*
- c) Giao khu vực biển để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh”.*

2. Điều 2. Đối tượng áp dụng:

Nội dung Điều này được quy định trên cơ sở quy định tại Điều 2 Nghị định số 51/2014/NĐ-CP và Điều 2 Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT, cụ thể:

“Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân được Nhà nước giao khu vực biển, khai thác sử dụng tài nguyên biển theo quy định”

3. Điều 3. Mức thu tiền sử dụng khu vực biển:

Sau khi nghiên cứu Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT, Sở Tài chính nhận thấy, diện tích khu vực biển của thành phố Hồ Chí Minh không lớn, nên để khuyến khích phát triển kinh tế biển, Sở Tài chính đề xuất áp dụng như sau:

1. Đối với những lĩnh vực đã được Thông tư quy định khung mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể, thì đề nghị mức thu tiền sử dụng khu vực biển theo mức thấp nhất của khung giá thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng nhóm hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển. Riêng nhóm 5 sử dụng khu vực biển để đổ thải bùn nạo vét, được áp dụng mức thu cao nhất theo quy định của Thông tư.

2. Đối với những hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển chưa quy định mức thu cụ thể, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập Hội đồng do lãnh đạo Sở Tài chính làm Chủ tịch Hội đồng và các thành viên là lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, đại diện các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan để tổ chức xác định mức thu tiền sử dụng khu vực biển trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định đối với dự án thuộc thẩm quyền giao của Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Trong một số trường hợp đặc biệt, tùy theo điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể, đặc điểm, tính chất của hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển, Ủy ban nhân dân Thành phố sẽ quyết định mức thu tiền sử dụng khu vực biển theo thẩm quyền giao khu vực biển đối với một số hoạt động cao hơn hoặc thấp hơn mức quy định sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Tài chính.

Nội dung cụ thể Điều này như sau:

“Điều 3. Mức thu tiền sử dụng khu vực biển

1. Mức thu một héc ta (1ha) khu vực biển một (01) năm = diện tích khu vực biển được giao (ha) nhân (x) mức thu tiền sử dụng khu vực biển (ha).

Trong đó:

a) Diện tích khu vực biển: áp dụng theo quy định tại Điều 4 Thông tư Liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT ngày 07 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định phương pháp tính, phương thức thu, chế độ quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển (sau đây gọi tắt là Thông tư Liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT).

b) Mức thu tiền sử dụng vực biển (ha): được áp dụng tùy theo nhóm sử dụng khu vực biển như sau:

<i>N</i> <i>hóm</i>	<i>Mục đích sử dụng khu vực biển</i>	<i>Đơn giá</i> <i>(đồng/ha/năm)</i>
<i>1</i>	<i>Sử dụng khu vực biển để khai thác năng lượng gió, sóng, thủy triều, dòng hải lưu</i>	<i>3.000.000</i>
<i>2</i>	<i>Sử dụng khu vực biển để xây dựng hệ thống ống dẫn ngầm, lắp đặt cáp viễn thông, cáp điện</i>	<i>4.000.000</i>
<i>3</i>	<i>Sử dụng khu vực biển để xây dựng các công trình nổi, ngầm, đảo nhân tạo, công trình xây dựng dân dụng trên biển, các hoạt động lấn biển</i>	<i>5.000.000</i>

4	Sử dụng khu vực biển để làm vùng nước cảng biển, cảng nổi, cảng dầu khí và các cảng, bến khác (gồm: vùng nước trước cầu cảng, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch; vùng để xây dựng luồng cảng biển và các công trình phụ trợ khác), vùng nước phục vụ hoạt động cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu biển, xây dựng cảng cá, bến cá; vùng nước phục vụ hoạt động vui chơi, giải trí, đón trả khách, khu neo đậu, trú nghỉ đêm của tàu thuyền du lịch; thăm dò, khai thác khoáng sản, khai thác nước biển làm mát cho các nhà máy; trục vớt hiện vật, khảo cổ.	6.000.000
5	Sử dụng khu vực biển để đổ thải bùn nạo vét.	7.500.000
6	Các hoạt động sử dụng khu vực biển khác.	3.000.000

c) Ghi chú: Khi Nhà nước điều chỉnh khung giá tính tiền sử dụng khu vực biển thì đơn giá tính tiền sử dụng khu vực biển hoạt động đổ thải bùn nạo vét (nhóm 5) cũng được điều chỉnh và được xác định ở mức cao nhất trong các khung giá tính tiền sử dụng khu vực biển khi điều chỉnh.

2. Đối với những hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển chưa quy định mức thu cụ thể theo quy định tại Khoản 1 Điều này, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập Hội đồng do lãnh đạo Sở Tài chính làm Chủ tịch Hội đồng và các thành viên là lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, đại diện các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan để tổ chức xác định mức thu tiền sử dụng khu vực biển trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định đối với dự án thuộc thẩm quyền giao của Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Trong một số trường hợp đặc biệt, tùy theo điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể, đặc điểm, tính chất của hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển, Ủy ban nhân dân Thành phố sẽ quyết định mức thu tiền sử dụng khu vực biển theo thẩm quyền giao khu vực biển đối với một số hoạt động cao hơn hoặc thấp hơn mức quy định tại Khoản 1 Điều này sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Tài chính”

4. Phương thức thu và xác định tiền sử dụng khu vực biển:

Nội dung Điều này được Sở Tài chính xây dựng dựa trên cơ sở quy định tại Điều 6 Thông tư số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT và có chỉnh sửa cho phù hợp với điều kiện của Thành phố, cụ thể như sau:

“Điều 4. Phương thức thu và xác định tiền sử dụng khu vực biển

1. Tiền sử dụng khu vực biển được tính từ thời điểm quyết định giao khu vực biển của cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền có hiệu lực thi hành.

2. Tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển được lựa chọn hình thức trả tiền sử dụng khu vực biển hàng năm hoặc trả tiền sử dụng khu vực biển một lần cho cả thời hạn được giao khu vực biển. Hình thức trả tiền sử dụng khu vực biển và số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp tương ứng với từng hình thức được ghi cụ thể trên quyết định giao khu vực biển của cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền theo đề xuất của tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ xin giao khu vực biển theo quy định.

3. Trường hợp tổ chức, cá nhân lựa chọn hình thức trả tiền sử dụng khu vực biển hàng năm được quy định như sau:

a) Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp hàng năm được xác định bằng diện tích khu vực biển được giao quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 3 Quyết định này nhân (x) với mức thu tiền sử dụng khu vực biển quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 3 Quyết định này;

b) Mức thu tiền sử dụng khu vực biển trong trường hợp này được ổn định 05 (năm) năm tính từ thời điểm có quyết định giao khu vực biển của cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền.

4. Trường hợp tổ chức, cá nhân lựa chọn hình thức trả tiền sử dụng khu vực biển một lần cho cả thời hạn giao khu vực biển được quy định như sau:

a) Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp được xác định bằng diện tích được giao quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 3 Quyết định này nhân (x) với mức thu tiền sử dụng khu vực biển do cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển quyết định nhân (x) với thời hạn giao khu vực biển;

b) Tổ chức, cá nhân trong trường hợp này được ổn định mức thu tiền cho cả thời hạn được giao khu vực biển.

5. Tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để đổ thải bùn nạo vét theo quy định tại Nhóm 3 Điểm b Khoản 1 Điều 3 Quyết định này phải nộp toàn bộ số tiền sử dụng khu vực biển một lần tương ứng với thời hạn sử dụng khu vực biển là 30 (ba mươi) năm và được ghi tại quyết định giao khu vực biển của cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền”

5. Trách nhiệm của Sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ và người sử dụng khu vực biển:

Nội dung Điều này được Sở Tài chính xây dựng dựa trên cơ sở quy định tại Điều 10 Thông tư số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT và có chỉnh sửa cho phù hợp với điều kiện của Thành phố, cụ thể như sau:

“Điều 5. Trách nhiệm của Sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ và người sử dụng khu vực biển

1. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan xây dựng và trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành hàng năm mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển cụ thể trên địa bàn Thành phố thuộc thẩm quyền giao của Thành phố;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố có ý kiến về mức thu tiền sử dụng khu vực biển theo đề nghị của Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với dự án thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường nằm trên địa bàn địa giới hành chính của Thành phố.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Chủ trì xác định địa điểm, tọa độ, ranh giới, diện tích khu vực biển; phân nhóm hoạt động sử dụng khu vực biển để tính tiền sử dụng khu vực biển phải nộp đối với trường hợp thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Ủy ban nhân dân Thành phố; trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, ban hành quyết định giao khu vực biển;

b) Sử dụng kinh phí chi cho nhiệm vụ giao khu vực biển đúng quy định của pháp luật.

3. Cục Thuế Thành phố có trách nhiệm:

a) Xác định và thông báo số tiền sử dụng khu vực biển đối với từng dự án cụ thể mà tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển phải nộp theo quy định tại Quyết định này;

b) Đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức, cá nhân nộp tiền sử dụng khu vực biển vào ngân sách nhà nước theo đúng thời gian quy định;

c) Giải quyết vướng mắc liên quan đến thủ tục thu nộp và hoàn trả tiền sử dụng khu vực biển;

d) Cung cấp thông tin về tình hình thu nộp tiền sử dụng khu vực biển cho Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Sở Tài nguyên và Môi trường biết, theo dõi;

đ) Hàng năm tổng hợp số liệu về thu tiền sử dụng khu vực biển tại Thành phố để báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, Tổng cục Thuế và Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

4. Cơ quan kho bạc nhà nước có trách nhiệm:

a) Thu đủ số tiền sử dụng khu vực biển vào Kho bạc Nhà nước theo thông báo nộp tiền sử dụng khu vực biển của cơ quan thuế;

b) Không được chuyển việc thu tiền sang ngày hôm sau khi đã nhận đủ thủ tục nộp tiền của người có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính;

c) Không được từ chối thu khi tổ chức, cá nhân nộp tiền sử dụng khu vực biển trong giờ làm việc và đầy đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.

5. Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ có trách nhiệm:

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc xác định cụ thể vị trí, diện tích sử dụng khu vực biển.

6. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân nộp tiền sử dụng khu vực biển:

a) Nộp tiền sử dụng khu vực biển theo đúng phương thức và thời hạn theo Thông báo của cơ quan thuế;

b) Quá thời hạn nộp tiền sử dụng khu vực biển theo Thông báo của cơ quan thuế mà không nộp đủ tiền sử dụng khu vực biển thì phải nộp tiền chậm nộp theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Thông tư Liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT”.

6. Điều 6. Quy định về xử lý khi có khó khăn, vướng mắc.

7. Điều 7. Hiệu lực thi hành:

Căn cứ quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tài chính đề nghị Quyết định này có hiệu lực thi hành sau mười (10) ngày kể từ ngày ký.

“Điều 7. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau mười (10) ngày kể từ ngày ký.”

8. Điều 8. Quy định về trách nhiệm tổ chức thực hiện của các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân quận, huyện các tổ chức, cá nhân có liên quan.

VI. Đánh giá tác động khi ban hành Quyết định này:

Đây là khoản thu sẽ thay thế khoản thu tiền thuê mặt nước đối với khu vực biển theo quy định tại Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước. Tuy nhiên, trong thời gian vừa qua Sở Tài chính chưa nhận được hồ sơ xác định tiền thuê mặt nước trên địa bàn Thành phố, nên không cần quy định nội dung xử lý chuyển tiếp, đồng thời mức thu theo quy định tại Thông tư cũng không lớn, nên sẽ không ảnh hưởng nhiều đến hoạt động của người sử dụng khu vực biển.

Kính trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tư pháp; Sở NN&PTNT;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Thuế Thành phố;
- GD, Phó GD Khối;
- Lưu: VT, QLNS, BVG.

GIÁM ĐỐC

Phan Thị Thắng